

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA UBCK. NHÀ NƯỚC VÀ WEBSITE CÔNG TY**

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 – ĐÃ KIỂM TOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Quý cổ đông Công ty CP Đồng Tiên

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Trụ sở chính: Lô 247, Đường số 12, Khu CN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: 0251. 3682248 Fax: /

Người thực hiện công bố thông tin: Ông NGUYỄN VĂN HOÀNG - Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô 247, Đường số 12, Khu CN Amata, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại (di động, cơ quan): 0888840059.

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Đồng Tiên công bố thông tin về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12//2022 đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán độc lập số: 165/BCKT/TC, của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) ngày 30/3/2023.

(Đính kèm toàn văn Báo cáo Tài chính của Công ty năm 2022 đã được kiểm toán).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đồng Nai, ngày 03 tháng 4 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS; BanTGD;
- Đăng IDS và Web Cty;
- Lưu VT, TCKT, TK.HĐQT.



Nguyễn Văn Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

đã được kiểm toán



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 42



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tiền (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát

Công ty Cổ phần Đồng Tiền được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06 tháng 04 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259810, và đến nay đã đăng ký thay đổi đến lần thứ 5 ngày 17 tháng 07 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất sản phẩm dệt may xuất khẩu và nội địa.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Đình Trường	Chủ tịch	16/04/2022	
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên	16/04/2022	
Ông Trần Minh Công	Thành viên	16/04/2022	
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên	16/04/2022	
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	16/04/2022	
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc	16/04/2022	
Ông Vũ Thu Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	16/04/2022	
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	01/02/2023	
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Giám đốc điều hành	16/04/2022	01/02/2023
Ông Huỳnh Nguyễn Cảnh Thịnh	Giám đốc điều hành	16/04/2022	
Ông Ngô Ngọc Thuận	Giám đốc điều hành	16/04/2022	
Ông Phan Văn Thân	Giám đốc điều hành	01/02/2023	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc điều hành	01/02/2023	
Ban kiểm soát			
Bà Nguyễn Trâm Anh	Trưởng ban	16/04/2022	
Bà Lê Thị Quỳnh Thu	Thành viên	16/04/2022	
Ông Lê Tiến Thành	Thành viên	16/04/2022	

Số: 165/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đồng Tiến

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đồng Tiến, được lập ngày 30/03/2023, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số V.13: Vào ngày 11 tháng 10 năm 2021, Công ty đã gặp sự cố cháy kho chủ yếu là nguyên liệu vải nhận gia công của khách hàng (Công ty Desipro). Theo Phụ lục 1 của Thỏa thuận bồi thường ngày 22/08/2022 được ký ngày 17/11/2022 giữa Công ty Cổ phần Đồng Tiến và Công ty Desipro: thì Công ty phải bồi thường nguyên liệu cháy với số tiền là 1.436.451,3 USD tương đương 34.086.989.349 VND.

Hiện nay, Công ty đã lập dự phòng thiệt hại cháy nguyên vật liệu là 10.000.000.000 VND, số còn lại Công ty dự tính bù đắp bằng tiền bồi thường của Công ty Bảo hiểm. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được kết quả thẩm tra của Công ty Bảo hiểm về khoản tiền mà Công ty có thể nhận được bồi thường từ sự cố cháy kho nguyên liệu nêu trên.



Do đó, chúng tôi không thể xác định mức ảnh hưởng (nếu có) của chi tiêu “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính và khoản mục “Chi phí khác” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm do việc trích lập không đầy đủ dự phòng chi phí cháy kho nguyên liệu này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đồng Tiến tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Đồng Tiến đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh đối Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021 tại ngày 28 tháng 03 năm 2022.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Cúc

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số: 0700-2023-152-1

A handwritten signature in blue ink.

Cao Thị Hồng Nga

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số: 0613-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. Tài sản ngắn hạn	100		575.936.699.863	677.023.837.430
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		82.687.809.896	165.136.282.961
Tiền	111	V.1	82.687.809.896	165.136.282.961
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		167.414.435.703	194.147.719.279
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	105.797.638.237	107.768.761.949
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.522.197.074	10.450.141.697
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	23.000.000.000	53.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	28.613.887.488	22.928.815.633
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		480.712.904	-
IV. Hàng tồn kho	140		307.857.037.452	283.858.002.077
Hàng tồn kho	141	V.6	307.857.037.452	283.858.002.077
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.977.416.812	33.881.833.113
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.843.512.848	6.076.284.835
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.782.045.455	21.634.155.874
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	5.351.858.509	6.171.392.404
B. Tài sản dài hạn	200		184.584.132.817	244.126.562.861
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.983.122.000	12.005.622.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	11.983.122.000	12.005.622.000
II. Tài sản cố định	220		151.809.718.365	210.399.454.794
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	141.650.278.230	199.778.221.923
- Nguyên giá	222		491.792.401.905	534.453.816.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(350.142.123.675)	(334.675.594.088)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	10.159.440.135	10.621.232.871
- Nguyên giá	228		12.930.196.549	12.930.196.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.770.756.414)	(2.308.963.678)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.667.333.263
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.667.333.263



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	19.538.800.000	19.538.800.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.000.000.000	11.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		25.713.120.000	25.713.120.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.174.320.000)	(19.174.320.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.252.492.452	515.352.804
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	948.684.470	225.000.000
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		303.807.982	290.352.804
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		760.520.832.680	921.150.400.291

2138
ĐỒNG
CHIẾM
VỤ T
ÍNH K
IỂM T
M VI
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. Nợ phải trả	300		578.933.198.527	724.989.917.933
I. Nợ ngắn hạn	310		531.555.546.504	648.022.660.838
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	116.793.505.695	203.071.535.273
2. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	313	V.12	70.222.114	771.933.862
3. Phải trả người lao động	314		148.375.193.922	96.428.027.104
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	11.240.234.782	10.191.437.047
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	18.546.576.718	39.520.263.187
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	234.417.176.986	292.133.082.800
7. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	V.16	2.112.636.287	5.906.381.565
II. Nợ dài hạn	330		47.377.652.023	76.967.257.095
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	1.088.565.000	1.065.780.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	46.289.087.023	75.901.477.095
D. Vốn chủ sở hữu	400		181.587.634.153	196.160.482.358
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	181.587.634.153	196.160.482.358
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.374.840.000	57.374.840.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>57.374.840.000</i>	<i>57.374.840.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		40.356.424.600	40.018.013.857
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.856.369.553	98.767.628.501
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>81.555.176.501</i>	<i>97.168.594.897</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>2.301.193.052</i>	<i>1.599.033.604</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		760.520.832.680	921.150.400.291

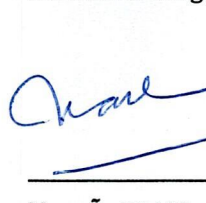

Người lập biểu



Lê Thị Liễu

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.693.123.541.041	1.564.478.143.418
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.693.123.541.041	1.564.478.143.418
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.507.025.406.814	1.387.673.936.284
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		186.098.134.227	176.804.207.134
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	31.784.862.569	15.245.592.943
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	44.348.178.754	36.785.727.821
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		22.404.701.698	15.363.892.226
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	71.230.239.453	50.202.064.231
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	98.423.582.860	79.007.719.477
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.880.995.729	26.054.288.548
11. Thu nhập khác	31		3.182.833.663	2.755.750.854
12. Chi phí khác	32		1.667.333.263	25.539.961.516
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	1.515.500.400	(22.784.210.662)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.396.496.129	3.270.077.886
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.012.388.700	918.557.880
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.384.107.429	2.351.520.006
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	460	320
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	460	320

Người lập biểu

Lê Thị Liễu

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.687.454.808.666	1.630.494.805.823
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(1.197.049.828.565)	(1.176.250.522.040)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(495.414.208.849)	(494.517.108.584)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(22.499.634.487)	(15.420.367.587)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(5.359.448.905)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	155.941.200.162	128.454.526.346
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(117.981.601.067)	(57.309.779.545)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.091.286.955	15.451.554.413
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.957.334.905)	(29.148.869.860)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.063.548.821	1.782.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(25.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.185.866.382	3.452.390.018
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	26.292.080.298	(48.913.752.569)
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	978.986.048.380	1.196.216.778.587
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.063.377.821.986)	(1.174.101.297.380)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.911.752.175)	(22.949.936.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(113.303.525.781)	(834.454.793)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(81.920.158.528)	(34.296.652.949)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN
Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	165.136.282.961	199.875.813.604
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(528.314.537)	(442.877.694)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	82.687.809.896	165.136.282.961

Người lập biên

Lê Thị Liễu

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hoàng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đồng Tiền được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06 tháng 04 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259810, và đến nay đã đăng ký thay đổi đến lần thứ 5 ngày 17 tháng 07 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất sản phẩm dệt may xuất khẩu và nội địa.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 247, Đường số 12, KCN Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 3.951 người (tại ngày 31/12/2021 là 4.137 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất gia công, kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày kết thúc năm tài chính, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ, 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 2 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	Số 10 Phan trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng; Cho thuê và mua bán thiết bị, phương tiện vận tải	51,76% (trực tiếp: 44%, gián tiếp: 7,76%)	51,76%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Lô số B1, Cụm Công nghiệp Phú Cường, Xã Phú Cường, Huyện Định Quán, Đồng Nai	May trang phục	26,15%	26,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	Số 10 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản; Bán buôn máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp và xây dựng	20,43%	20,43%

388
G TY
M HƯ
J T U
H K E
M T O
I V I E
H O

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở số liệu của Công ty Cổ phần Đồng Tiến (Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ), do đó các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tài chính này theo phương pháp giá gốc.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản cho vay và các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng trường hợp, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Thu nhập lãi tiền cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị khoản cho vay.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính riêng của công



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dự trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (06) tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Amata.

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất là 28 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trích lập các quỹ

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Điều lệ Công ty.

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	59.368.881	179.072.014
Tiền gửi ngân hàng (i)	82.628.441.015	164.957.210.947
Cộng	82.687.809.896	165.136.282.961

(i) Tại ngày 31/12/2022, trong số dư tiền gửi ngân hàng bao gồm số tiền 144.000.000 VND đang gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai đã được ký quỹ để bảo lãnh để thực hiện Hợp đồng mua bán điện số 21/000440 ngày 16/03/2021 với Điện lực Long Thành - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai.

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan</i>	-	134.923.265
Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến	-	134.923.265
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác</i>	<i>105.797.638.237</i>	<i>107.633.838.684</i>
Công ty Desipro	51.591.251.800	74.436.997.354
Công ty Teijin Frontier	17.633.010.125	9.233.254.446
Công ty Itochu (Descente)	2.867.407.092	1.347.007.777
Công ty SA Decathlon Espana	17.631.159.565	-
Royne Co., Ltd	8.636.009.400	-
Công ty TNHH Zhaowen Knitting (VN)	3.245.412.433	-
Công ty TNHH Dệt may ECLAT Việt Nam	75.631.102	18.270.663.444
Các khách hàng khác	4.117.756.720	4.345.915.663
Cộng	105.797.638.237	107.768.761.949

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan</i>	<i>7.625.806.053</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	7.625.806.053	-
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn khác</i>	<i>1.896.391.021</i>	<i>10.450.141.697</i>
Công ty Zhejiang YGM	73.026.557	3.051.391.198
Jiaxing Huayan Lace	-	183.656.330
Haian Tengyu Intelligent Technology Co., Ltd.	1.049.014.199	1.819.957.176
Công ty Luen Hing Textile	102.846.206	1.218.456.440
Công ty TNHH TM và PCCC Hoàng Loan	-	1.428.585.600
Trả trước cho người bán khác	671.504.059	2.748.094.953
Cộng	9.522.197.074	10.450.141.697

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	23.000.000.000	53.000.000.000
Cộng	23.000.000.000	53.000.000.000

Công ty cho Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường (công ty liên kết) vay cho mục đích xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất hàng gia công cho Công ty, lãi suất vay từ 2,5%/năm đến 3,5%/năm (năm 2021: 2,5%/năm).

5. Phải thu khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	28.613.887.488	22.928.815.633
Tạm ứng	37.192.138	317.114.333
Phải thu BHXH, BHYT	1.383.715.480	1.848.100.958
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	54.286.312
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường (*)	26.054.964.210	16.999.184.868
Trung tâm Phát triển Quỹ Đất (Trảng Bom)	790.942.273	981.911.111
Công ty Desipro	3.093.866	1.466.797.315
Các phải thu khác	343.979.521	1.261.420.736
b) Dài hạn	11.983.122.000	12.005.622.000
Các khoản ký quỹ tiền thuê	417.600.000	440.100.000
Ký quỹ đảm bảo dự án đầu tư KDC đường Phan Trung	11.565.522.000	11.565.522.000
Cộng	40.597.009.488	34.934.437.633
Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan (*)	26.054.964.210	16.999.184.868



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	909.039.346	-	664.947.110	-
Nguyên liệu, vật liệu	78.060.758.315	-	147.148.396.128	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	83.973.868.076	-	78.799.818.428	-
Thành phẩm	144.880.371.715	-	57.192.367.682	-
Hàng hóa	33.000.000	-	52.472.729	-
Cộng	307.857.037.452	-	283.858.002.077	-

7. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.843.512.848	6.076.284.835
Công cụ, dụng cụ	56.430.124	2.131.280.666
Chi phí sửa chữa	1.294.332.723	2.424.754.169
Chi phí khác	492.750.001	1.520.250.000
b) Dài hạn	948.684.470	225.000.000
Công cụ, dụng cụ	948.684.470	-
Chi phí khác	-	225.000.000
Cộng	2.792.197.318	6.301.284.835

21388
 ÔNG T
 NHIỆM B
 I VỤ TỰ
 HÌNH KẾ
 KIỂM TỐ
 AM VIẾ
 P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2022	189.382.518.328	316.195.723.034	24.480.117.387	4.395.457.262	534.453.816.011
Số tăng trong năm	54.178.000	5.489.481.293	1.254.605.000	49.000.000	6.847.264.293
Mua sắm mới	54.178.000	5.489.481.293	1.254.605.000	49.000.000	6.847.264.293
Số giảm trong năm	2.112.527.295	47.336.626.104	-	59.525.000	49.508.678.399
Thanh lý, nhượng bán	-	47.004.326.831	-	-	47.004.326.831
Giảm tài sản chảy	2.112.527.295	332.299.273	-	59.525.000	2.504.351.568
31/12/2022	187.324.169.033	274.348.578.223	25.734.722.387	4.384.932.262	491.792.401.905
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2022	88.655.125.251	227.406.296.900	14.218.714.675	4.395.457.262	334.675.594.088
Số tăng trong năm	19.173.005.432	38.285.732.911	2.601.431.082	10.979.629	60.071.149.054
Khấu hao trong năm	19.173.005.432	38.285.732.911	2.601.431.082	10.979.629	60.071.149.054
Số giảm trong năm	2.112.527.295	42.432.567.172	-	59.525.000	44.604.619.467
Thanh lý, nhượng bán	-	42.100.267.899	-	-	42.100.267.899
Giảm tài sản chảy	2.112.527.295	332.299.273	-	59.525.000	2.504.351.568
31/12/2022	105.715.603.388	223.259.462.639	16.820.145.757	4.346.911.891	350.142.123.675
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2022	100.727.393.077	88.789.426.134	10.261.402.712	-	199.778.221.923
Tại 31/12/2022	81.608.565.645	51.089.115.584	8.914.576.630	38.020.371	141.650.278.230

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 154.839.299.854 VND (tại ngày 31/12/2021: 133.281.230.034 VND).
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 100.752.020.675 VND (tại ngày 31/12/2021: 108.050.595.745 VND).

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
01/01/2022	12.930.196.549
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
31/12/2022	<u>12.930.196.549</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
01/01/2022	2.308.963.678
Tăng trong năm	461.792.736
<i>Khấu hao trong năm</i>	461.792.736
Giảm trong năm	-
31/12/2022	<u>2.770.756.414</u>
Giá trị còn lại	
Tại 01/01/2022	<u>10.621.232.871</u>
Tại 31/12/2022	<u>10.159.440.135</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**10. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	11.000.000.000	15.518.965.448	-	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình (i)	11.000.000.000	15.518.965.448	-	11.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	25.713.120.000	6.801.664.924	(19.174.320.000)	7.050.099.137
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường (ii)	19.174.320.000	-	(19.174.320.000)	19.174.320.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thẳng (iii)	6.538.800.000	6.801.664.924	-	6.538.800.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.000.000.000	2.000.591.627	-	2.147.487.606
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	2.000.000.000	2.000.591.627	-	2.147.487.606
Cộng	38.713.120.000	24.321.221.999	(19.174.320.000)	38.713.120.000

Thông tin chi tiết các khoản đầu dài hạn của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình với giá trị vốn góp là 11.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 51,76% (đầu tư trực tiếp là 44%, đầu tư gián tiếp thông qua đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thẳng là 7,66%) vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình có trụ sở tại số 10 Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, hoạt động kinh doanh chính là đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng; cho thuê và mua bán thiết bị, phương tiện vận tải.
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường với giá trị vốn góp là 19.174.320.000 VND, chiếm tỷ lệ 26,67% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường có trụ sở tại Lô số B1, Cụm công nghiệp Phú Cường, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, hoạt động



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

kinh doanh chính là may trang phục. Hiện tại, Công ty đã dự phòng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường với số tiền là 19.174.320.000 VND.

- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng với giá trị vốn góp là 6.538.800.000 VND, chiếm tỷ lệ 20,43% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng có trụ sở tại số 10 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh bất động sản; bán buôn máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp và xây dựng.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là giá được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại thời điểm Báo cáo tài chính.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	-	-	58.421.338.303	58.421.338.303
Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến	-	-	2.069.100	2.069.100
Phải trả người bán ngắn hạn khác	116.793.505.695	116.793.505.695	144.650.196.970	144.650.196.970
Công ty YKK Việt Nam	6.391.326.466	6.391.326.466	18.495.593.169	18.495.593.169
Công ty TNHH In Thêu Tân Hùng Ngọc (in gia công)	10.354.238.503	10.354.238.503	8.585.450.092	8.585.450.092
Công ty TNHH In Thêu Tân Hùng Ngọc (phụ liệu)	6.810.231.024	6.810.231.024	3.507.611.002	3.507.611.002
Công ty TNHH Nanu Sài Gòn	11.943.710.743	11.943.710.743	17.513.241.450	17.513.241.450
Công ty Desipro Pte	615.644.501	615.644.501	5.444.500.885	5.444.500.885
Công ty Cổ phần Dệt Trần Hiệp Thành	5.910.992.153	5.910.992.153	209.197.375	209.197.375
Công ty Mainetti VN	4.749.446.630	4.749.446.630	6.644.028.908	6.644.028.908
Công ty TNHH Avery Dennison Ris VN	5.891.318.755	5.891.318.755	9.365.000.513	9.365.000.513
Công ty Cổ phần Chỉ may Hưng Long	34.857.648	34.857.648	5.140.071.860	5.140.071.860
Công ty TNHH Việt Phú	3.738.108.784	3.738.108.784	6.382.774.361	6.382.774.361

30521
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TP.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Dệt Liên Châu	6.954.076.001	6.954.076.001	5.076.716.969	5.076.716.969
Công ty TNHH Phụ liệu Phú Cường	13.673.261.693	13.673.261.693	7.442.325.212	7.442.325.212
Chi nhánh 1 - Công ty TNHH Phụ Liệu Phú Cường	4.636.793.397	4.636.793.397	-	-
Công ty Cổ Phần Chỉ May Phong Việt	2.051.615.091	2.051.615.091	5.920.815.820	5.920.815.820
Nhà cung cấp khác	33.037.884.306	33.037.884.306	44.922.869.354	44.922.869.354
Cộng	116.793.505.695	116.793.505.695	203.071.535.273	203.071.535.273

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2022	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2022
a) Phải nộp	771.933.862	3.888.932.399	4.590.644.147	70.222.114
Thuế thu nhập doanh nghiệp	702.498.375	2.012.388.700	2.714.887.075	-
Thuế thu nhập cá nhân	69.435.487	1.082.280.012	1.081.493.385	70.222.114
<i>Thuế thu nhập cá nhân đầu tư vốn</i>	<i>303.750</i>	<i>421.289.400</i>	<i>421.593.150</i>	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên</i>	<i>69.131.737</i>	<i>660.990.612</i>	<i>659.900.235</i>	<i>70.222.114</i>
Tiền thuế đất	-	789.263.687	789.263.687	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>	-
b) Phải thu	6.171.392.404	4.021.003.959	3.201.470.064	5.351.858.509
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.644.561.830	2.644.561.830
Thuế thu nhập cá nhân	6.171.392.404	4.021.003.959	556.908.234	2.707.296.679

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10% đối với hàng gia công, hàng bán trong nước và 0% đối với hàng gia công xuất khẩu

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí lãi vay	-	6.785.789
Dự phòng chi phí cháy kho nguyên liệu (i)	10.000.000.000	10.000.000.000
Chi phí khác	1.240.234.782	184.651.258
Cộng	11.240.234.782	10.191.437.047

(i) Đây là khoản dự phòng chi phí cháy kho nguyên liệu nhận gia công của khách hàng.

Vào ngày 11 tháng 10 năm 2021, Công ty đã gặp sự cố cháy kho chủ yếu là nguyên liệu vãi nhận gia công của khách hàng (Công ty Desipro). Theo Phụ lục 1 của Thỏa thuận bồi thường ngày 22/08/2022 được ký ngày 17/11/2022 giữa Công ty Cổ phần Đồng Tiến và Công ty Desipro: thì Công ty phải bồi thường nguyên liệu cháy với số tiền là 1.436.451,3 USD tương đương 34.086.989.349 VND.

Như vậy, khoản dự phòng chi phí cháy kho nguyên liệu nhận gia công của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền là 10.000.000.000 VND chưa đảm bảo đủ chi phí bồi thường cho khách hàng theo thỏa thuận, Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ chi phí do đến nay vẫn chưa nhận được kết quả thẩm tra của Công ty Bảo hiểm về khoản tiền mà Công ty có thể nhận được bồi thường từ sự cố cháy kho nguyên liệu này.

14. Phải trả khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	18.546.576.718	39.520.263.187
Kinh phí công đoàn	-	1.833.681.380
Phải nộp BHXH	-	14.586.636.342
Phải trả thuế TNCN	8.078.589.094	6.715.847.574
Phải trả cổ tức	416.346.075	12.115.646.250
<i>Trong đó:</i>		
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (*)	-	5.980.500.000
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (*)	-	5.737.500.000
Phải trả lãi vay	195.437.000	283.584.000
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (*)	195.437.000	283.584.000
Công ty Desipro	8.800.766.548	3.548.660.637
Các khoản phải trả khác	1.055.438.001	436.207.004
b) Dài hạn	1.088.565.000	1.065.780.000
Nhận tiền cọc cho thuê chuyên may	1.088.565.000	1.065.780.000
Cộng	19.635.141.718	40.586.043.187
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (*)	195.437.000	12.001.584.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ
	01/01/2022	Tăng	Giảm	31/12/2022	
	Giá trị			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn					
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (i)	292.133.082.800	1.001.301.721.136	1.059.017.626.950	234.417.176.986	234.417.176.986
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	262.536.082.800	976.049.526.100	1.029.420.626.950	209.164.981.950	209.164.981.950
Ngân hàng Chính sách Xã hội Đồng Nai	135.704.506.800	700.854.399.420	665.673.718.320	170.885.187.900	170.885.187.900
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa (ii)	110.840.508.000	204.679.842.630	315.520.350.630	-	-
	15.991.068.000	32.235.490.000	48.226.558.000	-	-
	29.597.000.000	25.252.195.036	29.597.000.000	25.252.195.036	25.252.195.036
b) Dài hạn					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (iii)	-	38.279.794.050	-	38.279.794.050	38.279.794.050
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (iv)	-	4.360.195.036	-	4.360.195.036	4.360.195.036
	29.597.000.000	20.892.000.000	29.597.000.000	20.892.000.000	20.892.000.000
	75.901.477.095	-	29.612.390.072	46.289.087.023	46.289.087.023
Tổng cộng	368.034.559.895	368.034.559.895	1.088.630.017.022	280.706.264.009	280.706.264.009

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 2022103/HDHM/QLN ngày 30 tháng 11 năm 2022 với hạn mức tín dụng là 220.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay để tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn của hợp đồng vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và 4 tháng cho từng khoản vay. Khoản vay này chịu lãi suất điều chỉnh theo Thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất áp dụng trong năm là 1,9%/năm - 2,7%/năm (năm 2021: 1,9%/năm - 2,1%/năm).

Số dư nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 7.201.230 USD tương đương 170.885.187.900 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 5.920.790 USD tương đương 135.704.506.800 VND).

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 178/2022/3202000/HĐTD ngày 30 tháng 9 năm 2022 với hạn mức vay là 160.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Hạn mức tín dụng được sử dụng chung cho các hình thức: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn của hợp đồng vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và tối đa đến ngày 30 tháng 9 năm 2023. Lãi suất cho vay được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong kỳ, lãi suất áp dụng trong năm là 4%/năm.

Số dư nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.617.570 USD tương đương 38.279.794.050 VND.

- (iii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2021102/HDTL/QLN ngày 8 tháng 11 năm 2021 và Hợp đồng tín dụng số 2021102/HĐTD/QLN ngày 8 tháng 11 năm 2021 với hạn mức là 20.000.000.000 VND. Thời hạn của Hợp đồng vay là 36 tháng với mức lãi suất là 7,8%/năm - 10%/năm (năm 2021: 7,8%/năm). Mục đích của khoản vay này để tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ cho các hoạt động đầu tư máy móc thiết bị của khách hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh; thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà khách hàng đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải tham gia. Công ty đã giải ngân vốn vay với số tiền là 13.080.585.107 VND, số tiền vay được trả 6 tháng/lần với số tiền là 2.180.097.518 VND, bắt đầu từ tháng 6 năm 2022.

Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 13.742.168.859 VND (xem Thuyết minh số V.8) để đảm bảo cho các khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được hoàn trả theo lịch biểu tại Thông báo số 331/TB-ĐON-KHDN ngày 9 tháng 6 năm 2022 như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	4.360.195.036	-
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	4.360.195.035	-
Sau 5 năm	-	-
Cộng	8.720.390.071	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(4.360.195.036)	-
Số phải trả sau 12 tháng	4.360.195.035	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iv) Công ty có các khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng vay số 06/2016/HĐTĐ-TĐ ngày 27 tháng 06 năm 2016 với hạn mức là 80.000.000.000 VND. Thời hạn của Hợp đồng vay là 10 năm, thời gian ân hạn là 12 tháng với mức lãi suất 7%/năm. Mục đích của khoản vay này để đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu để di dời trụ sở tại Khu Công nghiệp Amata. Số tiền vay được trả hàng tháng là 741.000.000 VND, bắt đầu từ tháng 7 năm 2017.
- Hợp đồng vay số 01/2019/HĐTĐ-TĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 với hạn mức là 90.000.000.000 VND. Thời hạn của Hợp đồng vay là 8 năm, thời gian ân hạn là 6 tháng với mức lãi suất 7%/năm. Mục đích của khoản vay này để đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất hàng may mặc xuất khẩu công suất 1.900.000 sản phẩm/năm tại thị trấn Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Số tiền vay được trả hàng tháng là 1.000.000.000 VND, bắt đầu từ tháng 7 năm 2019.

Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 87.009.851.816 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 108.050.595.745 VND) (xem Thuyết minh số V.8) để đảm bảo cho các khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	20.892.000.000	29.597.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	41.928.891.988	62.820.891.988
Sau 5 năm	-	-
Cộng	62.820.891.988	92.417.891.988
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(20.892.000.000)	(29.597.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	41.928.891.988	62.820.891.988

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khen thưởng theo hiệu quả	Cộng
01/01/2021	12.526.473.128	3.125.975.367	15.652.448.495
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	352.728.001	164.606.400	517.334.401
Thu khác trong năm	12.320.000	-	12.320.000
Chi trong năm	(7.682.424.949)	(2.593.296.382)	(10.275.721.331)
31/12/2021	5.209.096.180	697.285.385	5.906.381.565
01/01/2022	5.209.096.180	697.285.385	5.906.381.565
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	507.616.114	236.887.520	744.503.634
Thu khác trong năm	334.324.000	-	334.324.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khen thưởng theo hiệu quả	Cộng
Chi trong năm	(4.322.070.742)	(550.502.170)	(4.872.572.912)
31/12/2022	1.728.965.552	383.670.735	2.112.636.287

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2021	57.374.840.000	39.782.861.856	120.118.530.897	217.276.232.753
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.351.520.006	2.351.520.006
Trích lập các quỹ	-	235.152.001	(752.486.402)	(517.334.401)
Chia cổ tức	-	-	(22.949.936.000)	(22.949.936.000)
31/12/2021	57.374.840.000	40.018.013.857	98.767.628.501	196.160.482.358
01/01/2022	57.374.840.000	40.018.013.857	98.767.628.501	196.160.482.358
Lợi nhuận trong năm	-	-	3.384.107.429	3.384.107.429
Trích lập các quỹ	-	338.410.743	(1.082.914.377)	(744.503.634)
Chia cổ tức	-	-	(17.212.452.000)	(17.212.452.000)
31/12/2022	57.374.840.000	40.356.424.600	83.856.369.553	181.587.634.153

Trong năm, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 30% trên vốn điều lệ trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 85/NQ-ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 16 tháng 4 năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Biên bản họp ĐHĐCĐ số 84/BB-ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 16 tháng 4 năm 2022.

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Công ty với tỷ lệ như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển 10% từ lợi nhuận sau thuế;
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi 15% từ lợi nhuận sau thuế;
- Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành, quản lý 5% từ lợi nhuận sau thuế.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	%	VND	%
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	14.951.250.000	26,06%	14.951.250.000	26,06%
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	14.343.750.000	25,00%	14.343.750.000	25,00%
Các cổ đông khác	28.079.840.000	48,94%	28.079.840.000	48,94%
Cộng	57.374.840.000	100,00%	57.374.840.000	100,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	57.374.840.000	57.374.840.000
Vốn tăng trong năm	-	-
Vốn giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	57.374.840.000	57.374.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.212.452.000	22.949.936.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.737.484	5.737.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.737.484	5.737.484
- Cổ phiếu phổ thông	5.737.484	5.737.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.737.484	5.737.484
- Cổ phiếu phổ thông	5.737.484	5.737.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (mười nghìn đồng).

18. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	Đơn vị tính	31/12/2022	01/01/2022
Đô la Mỹ	USD	3.186.692,50	7.049.868,77

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu sản xuất, gia công sản phẩm dệt may	1.664.625.679.202	1.548.739.568.884
Doanh thu cho thuê tài sản	4.597.099.764	7.427.612.666
Doanh thu hoạt động khác	23.900.762.075	8.310.961.868
Cộng	1.693.123.541.041	1.564.478.143.418

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	2.098.743.546	122.657.514
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	5.495.805.165	3.939.178.682
Công ty TNHH May Đồng Phú Cường	-	3.897.911.170
Cộng	7.594.548.711	7.959.747.366
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn sản xuất, giá công sản phẩm dệt may	1.481.186.416.879	1.372.881.435.497
Giá vốn cho thuê tài sản	4.051.645.218	7.427.612.666
Giá vốn hoạt động khác	21.787.344.717	7.364.888.121
Cộng	1.507.025.406.814	1.387.673.936.284
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.566.372	20.374.956
Lãi cho vay	1.070.986.301	1.186.301.374
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.000.000	2.300.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	30.595.309.896	11.738.916.613
Cộng	31.784.862.569	15.245.592.943
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	22.404.701.698	15.363.892.226
Dự phòng lỗ đầu tư tài chính	-	13.174.320.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	21.942.116.323	8.247.515.595
Chi phí tài chính khác	1.360.733	-
Cộng	44.348.178.754	36.785.727.821



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	61.743.332.824	42.347.803.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.862.854.918	1.645.947.863
Chi phí khác bằng tiền	7.624.051.711	6.208.312.957
Cộng	71.230.239.453	50.202.064.231

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	77.443.740.546	58.167.010.987
Chi chi đồ dùng văn phòng	2.371.378.344	2.915.077.668
Chi phí khấu hao	2.807.048.208	2.807.048.208
Thuế, phí và lệ phí	1.198.248.646	1.707.737.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.108.682.941	3.403.158.939
Chi phí khác bằng tiền	10.494.484.175	10.007.686.534
Cộng	98.423.582.860	79.007.719.477

7. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	3.182.833.663	2.755.750.854
Lãi thanh lý TSCĐ	1.238.376.326	1.291.294.240
Thu từ thanh lý phế liệu	380.424.045	297.981.254
Thu nhập khác	1.564.033.292	1.166.475.360
Chi phí khác	1.667.333.263	25.539.961.516
Dự phòng chi phí cháy kho nguyên liệu	-	10.000.000.000
Chi phí dừng sản xuất (do đại dịch Covid 19)	-	15.530.976.326
Chi phí khác	1.667.333.263	8.985.190
Lãi (lỗ) từ hoạt động khác	1.515.500.400	(22.784.210.662)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.396.496.129	3.270.077.886
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:</i>	<i>4.665.447.373</i>	<i>1.322.711.511</i>
Cộng: Các khoản chi phí không tính thuế	5.440.004.357	3.929.875.019
Trừ: Thu nhập không tính thuế	(774.556.984)	(2.607.163.508)
Thu nhập chịu thuế	10.061.943.502	4.592.789.397
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.012.388.700	918.557.880

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.384.107.429	2.351.520.006
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(744.503.634)	(517.334.401)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	744.503.634	517.334.401
+ <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>744.503.634</i>	<i>517.334.401</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.639.603.795	1.834.185.605
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.737.484	5.737.484
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	460	320
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	460	320

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	532.966.801.523	425.183.261.316
Chi phí nhân công	603.530.045.631	456.586.720.248
Chi phí khấu hao	60.532.941.790	60.218.156.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.673.002.845	18.707.358.568
Chi phí bằng tiền khác	550.838.491.019	521.079.398.912
Cộng	1.769.541.282.808	1.481.774.895.443

33052
CỔ
RÁCH N
DỊCH
ÀI CH
VÀ K
NA
VI-T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phải thu lãi tiền gửi	-	54.286.312
Phải thu lãi cho vay	57.972.603	-
Phải thu thanh lý tài sản	4.707.250.073	628.363.636
Chi phí lãi vay phải trả	195.437.000	290.369.789
Cổ tức phải trả	-	12.115.646.250
Phải trả tiền mua sắm tài sản	588.557.320	926.897.023

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phải thu lãi tiền gửi năm trước đã thu trong năm	54.286.312	-
Phải thu thanh lý tài sản năm trước đã thu trong năm	628.363.636	-
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm	6.785.789	13.579.150
Cổ tức phải trả năm trước đã trả trong năm	11.718.000.000	12.115.646.250
Tiền mua sắm tài sản nợ năm trước trả trong năm nay	698.627.932	5.896.247.500

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên chủ chốt trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị	2.048.071.553	2.507.234.548
Ban kiểm soát	783.378.112	1.150.207.609
Ban Tổng Giám đốc	7.121.212.786	6.644.350.641
Cộng	9.952.662.451	10.301.792.798

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	Cổ đồng	Bán hàng	2.098.743.546	122.657.514
		Mua hàng	85.424.519	73.654.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
		Chia cổ tức	4.485.375.000	5.980.500.000
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Cổ đông	Chi phí lãi vay	5.629.992.000	6.455.189.000
		Chia cổ tức	4.303.125.000	5.737.500.000
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	Công ty con	Nhận cổ tức	-	2.200.000.000
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Công ty liên kết	Bán hàng	1.444.159.947	366.270.086
		Cho thuê máy móc thiết bị	4.051.645.218	3.572.908.596
		Thanh lý máy tài sản	4.707.250.073	-
		Chi hộ (tiền xăng, phí xuất, nhập hàng)	4.698.279.152	4.709.997.558
		Phí gia công	352.619.536.743	244.041.664.858
		Tiền com công nhân	162.082.913	61.727.273
		Phí thuê kho	5.455.584.000	2.727.792.000
		Cho vay	-	25.000.000.000
		Lãi cho vay	1.070.986.301	1.186.301.374
Công ty TNHH May Đồng Phú Cường	Công ty liên kết (trước ngày 01/7/2021)	Bán hàng	-	43.207.100
		Cho thuê máy móc thiết bị	-	3.854.704.070
		Chi hộ (tiền xăng, phí xuất, nhập hàng)	-	928.751.321
		Phí phát sinh của Công ty Desipro tại Công ty TNHH May Đồng Phú Cường	-	146.267.086
		Phí gia công	-	97.164.874.371
		Tiền com công nhân	-	74.293.818
		Phí thuê kho	-	2.727.792.000
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	Đầu tư dài hạn khác	Nhận cổ tức	100.000.000	100.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
			31/12/2022	01/01/2022
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	Cổ đông	Phải thu tiền bán hàng	-	134.923.265
		Phải trả tiền mua hàng	-	(2.069.100)
		Phải trả cổ tức	-	(5.980.500.000)
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Cổ đông	Phải trả cổ tức	-	(5.737.500.000)
		Vay dài hạn	(62.820.891.988)	(92.417.891.988)
		Phải trả lãi vay	(195.437.000)	(283.584.000)
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Công ty liên kết	Trả trước phí gia công	7.625.806.053	-
		Phải thu tiền chi hộ, cho thuê máy móc thiết bị	21.289.741.534	16.999.184.868
		Phải thu thanh lý tài sản	4.707.250.073	-
		Phải thu lãi cho vay	57.972.603	-
		Cho vay ngắn hạn	23.000.000.000	53.000.000.000
		Phải trả tiền mua hàng	-	(58.419.269.203)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, gia công sản phẩm dệt may nên không trình bày báo cáo bộ phận.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền	82.687.809.896	-	165.136.282.961	-
Phải thu của khách hàng	105.797.638.237	-	107.768.761.949	-
Phải thu về cho vay	23.000.000.000	-	53.000.000.000	-
Phải thu khác	38.857.491.718	-	32.468.373.257	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Cộng	252.342.939.851	-	360.373.418.167	-

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022	01/01/2022
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	116.793.505.695	203.071.535.273
Chi phí phải trả	11.240.234.782	10.191.437.047
Phải trả khác	11.556.552.624	17.449.877.891
Các khoản vay	280.706.264.009	368.034.559.895
Cộng	420.296.557.110	598.747.410.106

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31/12/2022, Công ty sử dụng 144.000.000 VND đang gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ký quỹ để bảo lãnh để thực hiện Hợp đồng mua bán điện số 21/000440 ngày 16/03/2021 với Điện lực Long Thành - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai (xem Thuyết minh số V.1) và các tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay (xem Thuyết minh số V.8).

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIỀN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Phải thu khách hàng***

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
31/12/2022	374.007.470.087	46.289.087.023	420.296.557.110
Phải trả người bán	116.793.505.695	-	116.793.505.695
Chi phí phải trả	11.240.234.782	-	11.240.234.782
Phải trả khác	11.556.552.624	-	11.556.552.624
Các khoản vay	234.417.176.986	46.289.087.023	280.706.264.009
01/01/2022	522.845.933.011	75.901.477.095	598.747.410.106
Phải trả người bán	203.071.535.273	-	203.071.535.273
Chi phí phải trả	10.191.437.047	-	10.191.437.047
Phải trả khác	17.449.877.891	-	17.449.877.891
Các khoản vay	292.133.082.800	75.901.477.095	368.034.559.895

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Lô 247, Đường số 12, Khu Công nghiệp Amata, Phường
Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là gia công sản phẩm dệt may do đó Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự thay đổi về giá của hàng hóa, nguyên vật liệu trên thị trường.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2022 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

10. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính.

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Lê Thị Liễu

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hoàng

